Kinh Tinh Tuyển

Kalama tri ân bạn hongtran411 ghi chép.

[27/10/2025 - 01:50 - hongtran411]
Vajjiyamāhitasutta / Kinh Tinh Tuyển
26.10.2025
Sư Giác Nguyên
Hôm nay chúng ta học qua bài Kinh Tinh Tuyển. "Tinh tuyển" có nghĩa là chắc lọc. Cái tựa kinh thì không liên quan gì tới tiêu đề tiếng Việt hết, bởi vì tựa kinh chỉ là tên của một ông cư sĩ, và ông này là một trong mười cư sĩ hàng đầu, mười vị thánh đệ tử cư sĩ hàng đầu thời Đức Phật. "Hàng đầu" có nghĩa là khi nhắc đến những cư sĩ tiêu biểu, Đức Phật có nhắc tới ông này — nhắc chung với Cấp Cô Độc, bà Visākhā, hay cư sĩ Citta, hay Hatthaka Āḷavaka. Tổng cộng là mười nhân vật hàng đầu. Nội dung bài kinh này nhắm đến một số vấn đề lớn sau đây.
Mình nói chuyện nhỏ trước đi. Lớn, nhưng trong cái lớn có cái nhỏ; cái nhỏ rồi lại có cái lớn hơn. Nói cái nhỏ trước là Phật pháp ấy là chân lý ở đời. Ở đời này có nghĩa là của vô lượng vũ trụ. Đã nói là chân lý thì không phải là tác phẩm của riêng ai hết. Ngay cả trong chánh kinh Pāli, nếu đọc qua bản tiếng Việt thì rất tiếc là bản tiếng Việt không nhấn mạnh chữ này. Trong bản dịch tiếng Việt không nhấn mạnh chữ đó, không hiểu lý do, nhưng khi đọc trong bản Pāli và đặc biệt là trong chú giải thì chú giải nói rất rõ 'apaññattiko': những gì chư Phật thuyết giảng không phải do chư Phật chế tác hay sáng tạo, mà chư Phật chỉ là người làm bừng sáng bóng tối của cuộc đời để vạch ra cho người ta thấy đâu là sự thật cần biết. Chư Phật không phải là người chế tác hay sáng tạo ra chân lý. Đó là chuyện thứ nhất.
Chuyện thứ hai là: chư Phật thuyết pháp độ đời, cho đời, vì đời, và trong những trường hợp đặc biệt, các Ngài thuận theo một phần nào đó của thế gian để có cách trình bày tương ứng, thích hợp, khế cơ và khế lý, chứ không phải đưa ra những đường lối lạ lùng, không giống ai — không phải như vậy.
Phải nhớ hai điều rất quan trọng:
1. Chư Phật thuận theo thế gian trong mức độ thích hợp, chứ không tách rời hoàn toàn.
2. Những khái niệm mà thế gian nhắc tới, chư Phật cũng nhắc tới,
o nhưng với một định nghĩa khác,
o hoặc đưa nó lên một tầm cao mới,
o một góc nhìn mới.
Điều đó rất quan trọng.
Chuyện nữa đó là đã là chân lý thì Đức Phật dạy rất là nhiều lần là Như Lai không có tranh cãi với thế gian. Thế gian tranh cãi với ta chứ ta không có tranh cãi với thế gian. Nhưng có chuyện này, không tranh cãi nhưng mà trong trường hợp phải lên tiếng vì cái lòng đại bi, vì cái lợi ích cho chúng sinh thì cũng không nên im lặng. Nhớ cái đó nha, không có tranh cãi nhưng mà trong trường hợp mà không thể im lặng, trong trường hợp vì lòng đại bi mà mình nói ra cái điều lợi ích cho người khác thì mình cũng không nên im lặng, cũng nên nói.
Đức Phật dạy rằng khi người ta vô duyên thì thôi, nhưng nếu thấy người ta hữu duyên và mình có thể giúp được thì cũng nên lên tiếng. Bởi vì cuối bài kinh này, Đức Phật có dạy rằng một vị cao tăng, một vị tỳ kheo — trong Pali gọi là 'dīgharattaṃ', tức là vị tu hành lâu năm — thì cũng nên học tập tinh thần trách nhiệm của vị cư sĩ này. Có nghĩa là khi nghe ai đó nói sai về chánh pháp, nếu xét thấy đó là thời điểm mà mình có thể lên tiếng để soi tỏ chánh pháp thì cũng không nên im lặng, bởi vì đó cũng là một cách hoằng pháp, một cách lợi tâm. Không thể nào cứ khư khư nói rằng đạo của tôi hay lắm nên tôi không cần phải lên tiếng chi, kệ đời nó vô minh thì mặc xác nó — không nên nói như vậy.
Đúng là mình tu là chuyện đầu tiên là mình phải lo hoàn bị, chu toàn, chu tất bản thân trước. Đúng. Nhưng mà trên cái lộ trình tu tập đó nếu mà có một cái cơ hội mà phải lên tiếng để soi tỏ tinh thần chánh pháp nhằm mục đích, nhằm mục đích lợi tha đó thì cũng không nên im lặng. Dĩ nhiên nói

một cách nhẹ nhàng, chia sẻ, cảm thông và mềm mỏng, dễ nuốt nhất chứ không phải mình nói để mang cái tính gọi là đấu đá, tranh cãi, thị phi, hơn thua với đời thì tuyệt đối đó không phải là tinh thần Phật pháp. Không phải, không phải. Đó là những chuyện nhỏ, chuyện nhỏ của những nội dung nhỏ xíu của bài kinh này.

Bây giờ nội dung lớn hơn là ông cư sĩ Vajjiyamāhita này, trong một lần gặp gỡ với các du sĩ ngoại đạo, họ có hỏi ông một câu thế này: "Hình như sư phụ của ông, Sa-môn Gotama, là người chống đối kịch liệt tất cả những pháp môn khổ hạnh, đúng không?"

Bởi vì ngay trong pháp thoại đầu tiên, Đức Phật đã nói rất rõ: con đường giải thoát phải nằm ngoài hai cực đoan là lợi dưỡng và khổ hạnh. Khổ hạnh có nghĩa là ép xác, khắc khổ, thanh đạm đến mức cực đoan — đó là khổ hạnh. Còn hưởng thụ, sung sướng, tiện nghi thì cũng không phải là con đường tu học giải thoát.

Thì cái pháp thoại đó rất nổi tiếng. Tất cả những người đệ tử Phật hay những người quan tâm đến tâm linh, tôn giáo, quan tâm đến đời sống tinh thần và hành trì thời Đức Phật hầu như đều biết tinh thần đó của Phật pháp — tinh thần gọi là Trung đạo. Đây chính là lý do vì sao các du sĩ đã có câu hỏi như vậy. Họ hỏi rằng: "Có phải Sa-môn Gotama chống đối quyết liệt cái gọi là pháp môn khổ hạnh của đường lối ích kỷ cực đoan hay không?"

Ông cư sĩ Vajjiyamāhita — một thánh cư sĩ — đã trả lời thế này: Đức Thế Tôn không phải là người một chiều, không phải là người phiến diện. Đức Thế Tôn không phải là người theo hay chống một điều gì đó theo cách nhìn thiển cận, phiến diện, một chiều. Ngài tuyệt đối không để cho lời giảng của mình bị gắn chặt vào một nhãn hiệu nào đó như "cái này đúng, ngoài ra là sai". Đức Thế Tôn phân tích rõ tại sao có điều đó đúng, tại sao có điều sai, chứ không nên nói rằng Thế Tôn phủ nhận hay chống đối đường lối khổ hạnh.

Phải xem đường lối khổ hạnh đó ra sao; còn nếu chỉ nói trên từ ngữ là "chống khổ hạnh" thì không được. "Khổ hạnh" nghĩa là đời sống tối giản và có phần khắc kỷ, kiêng khem hơn thường.

Thì sau khi ông nói như vậy, ông trở về và thưa lại với Đức Phật, kể lại toàn bộ câu chuyện đó. Đức Phật tán thán: "Ngươi đã nói đúng về Như Lai."

Vậy bài kinh này nói điều gì? Bài kinh này dạy rằng tinh thần Trung đạo, tức là tinh thần Bát Chánh Đạo, tuyệt đối là điều mà hành giả phải luôn lưu tâm trong lộ trình giải thoát. Tuy nhiên, do ba nền tảng sinh tử là:

1. Tiền nghiệp,
2. Khuynh hướng tâm lý,
3. Môi trường sống,

nên nói gọn lại, túc duyên giải thoát của mỗi người không giống nhau.

Cho nên có người thì họ cần một tí tiện nghi trong ăn, mặc, ở thì mới có thể tu tập tốt được. Nhưng cũng có người phải có một chút kiêng khem, tối giản thì họ mới tu tập có kết quả. Nếu nói như vậy thì có nhiều cách để tu tập Bát Chánh Đạo.

Cái quan trọng nhất là khổ hạnh ở đây không phải là hình thức mà là tinh thần. Nó là tinh thần. Cho nên nếu thấy có người tu tập Chánh Đạo mà trông có vẻ hơi thoải mái, dễ dãi, nhàn hạ thì mình cũng khoan nói họ là lợi dưỡng. Ngược lại, cũng có người tu tập Bát Chánh Đạo mà trong hình thức có vẻ kiên cố, khắc kỷ một chút thì cũng khoan nói họ là khổ hạnh.

Vấn đề nằm ở chỗ: cùng hướng đến cứu cánh chấm dứt sanh tử, và lộ trình đó phải được thiết lập trên căn bản Chánh Đạo.

Còn cái hình thức thì có thể có người hơi lệch một chút — tôi nhấn mạnh là trên hình thức thôi. Cho nên trong đây, Ngài nói rất rõ: "Ta không có cực đoan khi nói rằng pháp môn nào là nên theo hay không nên theo, mà phải xét đến tinh thần của nó."

Tinh thần là gì? Là con đường, lộ trình — dù có một chút khắc kỷ hay một chút dễ dãi — nhưng miễn sao giúp cho lý tưởng bài ác, hành thiện được tốt đẹp, thì con đường đó là con đường mà Như Lai tán thán và khích lệ.

Kể cả cái gọi là giải thoát, trong bản chánh kinh cũng có nói rất rõ: "Ta cũng không nhắm mắt mà tán thán mọi cách giải thoát."

Bởi vì "giải thoát" — cứu cánh sau cùng của mọi cuộc tu, dù là đạo nào đi nữa — rốt cuộc đều nhắm đến: giải thoát khỏi hiện tại khổ đau, khỏi tình trạng phàm phu hiện tại.

Nhưng Đức Phật nói rõ: tùy nhận thức của mỗi người mà "giải thoát" được định nghĩa khác nhau; còn đối với Ngài, giải thoát phải được lập cước, phải được thiết lập trên tinh thần "bài ác, hành thiện", "hành thiện, lánh ác."
Và nếu như vậy thì cái hình thức đôi khi không quan trọng lắm, cái nội dung mới chính là điều quan trọng. Cái rốt ráo của bài kinh này là chữ giải thoát.
Có nghĩa là:
- Cái lộ trình tu tập đó, mình tu kiểu gì đi nữa, nhưng có nhắm đến giải thoát hay không.
- Và trong lúc đang đi trên con đường đó, mình có thật sự từng bước tháo gỡ những ràng buộc, những vướng víu hay không.

Bởi vì "giải thoát" ở đây không phải là đợi đến lúc chứng đắc, mà ngay trong lộ trình ấy phải là từng phút từng giây tháo gỡ.
Bởi vì có hai trường hợp: chánh giải thoát và tà giải thoát.
Tôi nói không biết bao nhiêu lần: tà giải thoát có hai trường hợp — cái này nói theo kinh nhé.
1. Trường hợp thứ nhất: thay đổi cái nhà tù này qua cái nhà tù khác mà tưởng là giải thoát.

Nghĩa là thay đổi cái phòng giam này qua cái phòng giam khác, thay đổi dây xiềng, dây xích mà tưởng là đã ra tù, nhưng thật ra vẫn ở trong nhà tù đó, vẫn là phòng giam đó, vẫn là xiềng xích đó.
→ Trường hợp này là chỉ thay đổi hình thức, còn nội dung vẫn như cũ. Đó gọi là tà giải thoát thứ nhất.
2. Trường hợp thứ hai: chưa giải thoát mà tưởng là đã giải thoát.

Trường hợp này giống như mạ vàng cái dây xiềng hay sơn son thếp vàng cái phòng giam của mình.
- Thay đổi phòng giam vẫn là phòng giam.
- Mạ vàng dây xiềng thì nó vẫn là dây xiềng.

Giải thích cụ thể hơn:
- Thay đổi phòng giam là sao?

Nghĩa là mình thấy không nên dính mắc chỗ nào hết, rồi lên đường hành cước, du phương, độc hành độc bộ, một y một bát. Ngày xưa mình ở nhà có vợ, có chồng, có con cái; bây giờ mình bỏ hết, vào chùa sống đời hành cước du phương. Nhưng thật ra lại vướng kẹt vào vô số vấn đề khác trong đời sống đó. → Đó là thay đổi nhà tù.
- Mạ vàng dây xiềng là sao?

Nghĩa là hồi trước mình lo danh lo lợi; bây giờ biết Phật pháp rồi, nếu là cư sĩ thì cạo đầu, mặc áo lam, áo nâu, cất đạo tràng trên núi, rồi ở đó thổi sáo, trồng hoa, uống trà, ngâm thơ, đọc sách, ngắm trăng mây… tưởng là giải thoát, nhưng thật ra chỉ là mạ vàng cái dây xiềng thôi.
Hoặc trước kia là tăng nhân, có chùa chiền, đệ tử, đạo tràng đông; bây giờ bỏ hết, lên núi dựng am tranh ở, tưởng mình đã đắc sơ thiền, nhị thiền, đạt được tầng nào đó, thấy mình là số một, thiên hạ là số mười.
Hoặc có người giữ giới thanh tịnh, có định thanh cao, có chút trí tuệ sáng suốt, rồi sinh tâm tự cao, coi người khác không ra gì, quên rằng mình vẫn còn đang ở trên lộ trình, chưa đến nơi đến chốn.
→ Tất cả những trường hợp đó đều được gọi là mạ vàng cái dây xiềng dưới chân mình.

Tức là hai trường hợp tà giải thoát.

Còn chánh giải thoát thì cũng có hai trường hợp.
Trường hợp một: phá nát cái phòng giam, phá nát cái dây xiềng — tức là phá nát hoàn toàn những gì ràng buộc mình. Đây là giải thoát theo nghĩa dứt tuyệt, buông bỏ hết.
Trường hợp hai: không phá nát nhưng vô hiệu hóa nó.
Ví dụ:
- Mình là cư sĩ, vẫn sống đời thường, vẫn có tóc, có áo quần, có nhà cửa, nhưng tâm trần bất nhiễm, thì gọi là vô hiệu hóa cái nhà giam.
- Hoặc mình là người xuất gia, vẫn làm trụ trì, vẫn là pháp sư, vẫn có đạo tràng, vẫn có đệ tử, nhưng có thể ra đi bất cứ lúc nào, lòng hoàn toàn thanh thản — thì gọi là vô hiệu hóa dây xích, vô hiệu hóa phòng giam.

Nói cách khác: hình thức vẫn như cũ, nhưng bên trong đã vô hiệu hóa mọi ràng buộc.
Còn trường hợp thứ nhất là phá nát mà đi, nghĩa là buông bỏ tất cả.
Bởi vì trong kinh nói, "giải thoát" và "viễn ly" có bốn trường hợp:

1. Tâm giải thoát, thân không giải thoát.
2. Thân giải thoát, tâm không giải thoát.
3. Thân và tâm đều giải thoát.
4. Thân và tâm đều không giải thoát (hay không viễn ly).

Thì thân giải thoát mà tâm không giải thoát là sao?

Có nghĩa là thân đã giải thoát — tức là cũng mặc áo tu, cũng ở nơi thanh tịnh, u tịch, vắng người — đó là thân giải thoát. Nhưng tâm thì vẫn còn vướng víu, còn bị ràng buộc với đời, với phố phường, với phồn hoa, với chúng sinh. Trường hợp đó được gọi là thân giải thoát mà tâm vô giải thoát.

Còn tâm giải thoát mà thân không giải thoát là sao?

Có nghĩa là vẫn sống trong môi trường phức loạn, náo nhiệt, nhộn nhịp, ồn ào như xưa giờ, nhưng tâm đã ở ngoài muôn cõi, đã là "người phương ngoại" ngay trong tâm khảm mình rồi. Trường hợp này được gọi là thân không giải thoát mà tâm đã giải thoát.

Hai trường hợp sau thì không cần giải thích nhiều:

- Trường hợp thứ ba: thân và tâm đều giải thoát — nghĩa là đắp áo tu ở nơi thanh vắng xa người, và tâm cũng thanh tịnh, vắng bặt phiền não.
- Trường hợp thứ tư: thân và tâm đều không giải thoát — nghĩa là sống ở cõi nhân gian và tâm hồn cũng đầy tục lụy.

Tất cả là bốn trường hợp giải thoát.

Và như đã nói, "giải thoát" ở đây gồm hai loại: tà giải thoát và chánh giải thoát.

Tôi nhắc lại:

Hai trường hợp này đều được gọi là tà giải thoát:

- Tà giải thoát thứ nhất là chỉ thay đổi phòng giam, thay đổi dây xích, tưởng là ra tù.
- Tà giải thoát thứ hai là mạ vàng cái dây xích, tưởng là giải thoát rồi.

Còn cái trường hợp chánh giải thoát cũng có hai:

- Một là phá nát cái nhà giam, chặt đứt cái dây xiềng — đó là trường hợp thứ nhất.
- Hai là vẫn ở trong phòng giam đó, vẫn có dây xiềng đó nhưng đã vô hiệu hóa nó. Nghĩa là sao? Cái dây xiềng đó mình có chìa khóa, muốn mở lúc nào thì mở, muốn tháo lúc nào thì tháo. Còn cái phòng giam đó, mấy cái song sắt mình đã cưa sạch hết rồi, trống trơn hết rồi, mênh mông, đến mức đưa nguyên con bò đi qua cũng lọt. Trong trường hợp đó, dù mình vẫn ở trong phòng giam, vẫn có sợi xiềng dưới chân, cũng không thành vấn đề, vì mình tự tại, muốn tháo lúc nào thì tháo, muốn đi lúc nào thì đi.

Và nội dung rốt ráo của bài kinh này chính là ở chỗ đó.

Đức Thế Tôn không phải là người một chiều, phiến diện. Ngài không nói rằng pháp tu nào là số một, số hai. Ngài dạy rằng cái tinh thần mới là điều quan trọng — cái tinh thần của pháp tu, cái mà nó nhắm đến là gì, mới là cốt lõi.

Còn chuyện anh có khắc kỷ, kiêng khem hay có chút tiện nghi, dễ dãi — cái đó không sao hết, miễn là tránh ác, hành thiện, và cuối cùng lìa bỏ hiện hữu, chấm dứt sinh tử. Đó mới chính là tinh thần rốt ráo của Phật pháp.

Không thể nói một chiều rằng tu là phải rách rưới tả tơi, đầu trần chân đất, hay phải ở am tranh mái cỏ. Không nhất thiết. Bởi vì nếu ở am tranh mái cỏ mà trong lòng lại mong người khác biết mình ở am tranh mái cỏ, thì cái đó cũng chẳng đi về đâu. Còn nếu sống giữa phố xá phồn hoa mà trong lòng đã là người ngoại cuộc, thì vẫn đáng được tán thán.

Đạo Phật nói rất rõ:

1. Có trường hợp tu tướng mà không tu tâm.
2. Có trường hợp tu tâm mà không tu tướng.
3. Có trường hợp cả tâm và tướng đều tu.
4. Có trường hợp cả tâm và tướng đều không tu.

Thì trong bốn trường hợp này, mình thấy trường hợp nào cũng được, miễn là có cái tâm tu là được. Ví dụ như có tu tâm mà không tu tướng cũng không sao, có nghĩa là lòng đã ở ngoài cuộc, thì thân có sống ở đâu cũng vậy thôi.

Chẳng hạn như vừa rồi, ở Việt Nam có Ôn Như Huyễn thiền sư – HT Thích Từ Thông, vừa viên tịch. Lúc Ôn còn sinh tiền, Ôn là hiệu trưởng, giữ nhiều vai trò và chức vụ lớn trong Giáo hội. Từ

góc nhìn của một ông thầy, một vị sư Nam truyền, tôi rất quý Ôn ở chỗ Ôn có một cái nhìn rất thông thoáng, không nói về Phật pháp từ góc độ hệ phái, mà từ góc nhìn của người cầu đạo giải thoát.
Ôn hoàn toàn có thể có một ngôi phạm vũ hoành tráng, nguy nga, với đời sống rất thoải mái, tiện nghi, thậm chí sang trọng, vì Ôn có hàng tỷ học trò — cả Tăng lẫn tục. Nhưng không, cuối đời Ôn có Liễu Liễu Am nhỏ xíu ở Lâm Hà, Lâm Đồng. Nhìn cái phòng của Ôn là thấy được tinh thần của Ôn trong đó.
Nếu nhìn các vị đại sư như Ấn Thuận, Quảng Khâm hay Tinh Vân của Đài Loan, ta thấy chỗ trú xứ của các vị ấy không đơn giản như vậy. Mặc dù trong lòng các vị có thể không muốn, nhưng các vị cũng không từ chối. Riêng Ôn Từ Thông thì rõ ràng là có từ chối. Nhìn là biết Ôn có từ chối.
Bởi vì có những trường hợp không kêu gọi, nhưng nếu không từ chối, cũng dễ khiến người khác hiểu lầm.
Còn Ôn thì không kêu gọi, mà cũng từ chối.
Cuối cùng, Ôn chỉ ở trong một cái am — nói thật, nhìn cũng hơi nản, nếu xét về mặt tiện nghi.
Nhưng cái "nản" ở đây không phải là chê bai, mà là cảm thán. Nhìn cái am đó, mình nghĩ: "Không biết mùa lạnh Ôn chịu sao, mùa nóng thì sao."
Nói vậy không phải vì tôi là người hưởng thụ — đừng nói oan — mà bởi vì tôi sống ở nước ngoài, nhìn điều kiện đó tôi nghĩ không biết Ôn sao trong điều kiện nóng lạnh của thời tiết.
Thì tôi nhắc lại, tu hành hay là giải thoát cũng có bốn trường hợp:
1. Tu tướng mà không tu tâm — hay nói cách khác là giải thoát tướng mà không giải thoát tâm.
2. Giải thoát tâm mà không giải thoát tướng — nghĩa là nhìn bề ngoài vẫn còn có chút ràng buộc, nhưng tâm đã vượt ngoài.
3. Cả hai đều viễn ly, đều giải thoát.
4. Cả hai đều không giải thoát, không viễn ly.

Thì nội dung sâu sắc của bài kinh này chính là chỗ đó.
Đức Phật không áp đặt, không dán nhãn lên bất kỳ pháp môn nào, mà Ngài nhắm vào tinh thần cốt lõi và cứu cánh của lộ trình tu học.
Đó, đối với Ngài, là điều rất quan trọng.
Còn mình thời nay thì khác. Nói gì thì nói, vẻ ngoài cũng quan trọng lắm.
Rất nhiều người chống đối chúng tôi có thể vì chuyện thị phi nào đó, nhưng cũng có phần vì họ quan sát, thấy hình như chúng tôi khi nói về thiền thì cái mặt không được "thiền" cho lắm.
Tôi có đọc vài bình luận của bà con: "Nói về Phật pháp mà thấy cái mặt ổng không được Phật pháp lắm, ngôn phong, ngữ khí của ổng không được đạo hạnh cho lắm."
Tức là họ vẫn còn bị vướng trong cái đó.
Thôi, bỏ chuyện chúng tôi, nói chuyện khác đi.
Là có trường hợp mình bị lụy vào cái đó, tức là chỉ coi cái người đó qua vẻ ngoài, mà không màng đến họ nói gì, nội dung ra sao. Mình chỉ quan trọng hình thức — thì đó cũng là một cái kẹt.
Tôi chưa hề có cái ý, chứ đừng nói là lời, chưa hề có cái ý kêu gọi bà con phải trân quý tôi. Tôi chỉ muốn nhắc một điều, như người Tây có câu rất hay:
"Nếu anh không bị mù thì đừng có dùng cái lỗ tai mà đánh giá tôi."
Còn người Tây Tạng thì nói nặng hơn:
"Nếu anh không bị tâm thần thì đừng có dùng mắt, tai để hiểu người khác."
Tây thì nói nhẹ: nếu anh không bị mù thì đừng chỉ dùng tai để đánh giá tôi.
Tây Tạng thì nói mạnh: nếu anh không bị tâm thần thì đừng dùng mắt, tai, mũi, lưỡi để đánh giá người khác.
Vì nếu mình không bị tâm thần, thì phải dùng cái đầu của mình mà suy xét chứ.
Cái nội dung của bài kinh này rất sâu.
Thông qua bài kinh này, tôi xin gửi đến bà con hai hình thái giải thoát:
1. Tà giải thoát: là thay đổi phòng giam, hoặc mạ vàng cái dây xiềng, sơn son phòng giam mà tưởng là tự do.
2. Chánh giải thoát: là phá nát nhà tù, chặt đứt dây xiềng, hoặc vô hiệu hóa chúng — vẫn sống giữa đời mà không bị ràng buộc.

Và tinh thần cao nhất của đạo Phật là giải thoát.

Mình muốn cầu giải thoát thì điều đầu tiên là phải buông. Nhưng đa phần phàm phu mình lại vướng ở chỗ này.
Chữ "chúng sinh" trong Pāli là satta.
Từ này có nhiều định nghĩa, nhưng trong Tương Ưng Bộ Kinh, Đức Phật có giải thích một nghĩa rất hay: satta bắt nguồn từ sajjati (√sat) — nghĩa là "dính".
Tức là:
- Lúc đầu mình cũng cầu giải thoát,
- nhưng trên lộ trình sâu thẳm đó, khi được một chút gì, mình lại dính vào cái đó, không đi tiếp nữa.

Đây là thói quen rất đáng tiếc, đáng phiền và đáng trách của phàm phu.
Con đường giải thoát là muôn dặm, mà mình mới đi được dặm rưỡi đã thấy cỏ hoa, ong bướm, sông suối, trăng gió, rồi dừng lại.
Mới đi được vài cây số, thấy cảnh đẹp quá, thế là "chết" ngay chỗ đó.
Nhưng chưa được — phải đi tiếp.
Tất cả những vị đắng và vị ngọt trên lộ trình đó chỉ là những trạm dừng.
- Nó đắng cách mấy cũng không đáng để sợ.
- Nó ngọt cách mấy cũng không đáng để dính.

Điều quan trọng nhất là mắt luôn nhìn về phía trước.
Người Tây có một câu rất hay:
"Khi đôi mắt ta tập chú vào mục đích cuối con đường, ta sẽ không còn nhìn thấy những cám dỗ và thử thách dọc đường.
Nhưng khi đôi mắt rời khỏi mục đích đó, ta sẽ dễ bị phân tâm và lạc hướng bởi mọi cám dỗ trên đường đi."
Khi chúng ta chỉ tập chú vào một điểm thôi, thì tất cả những thứ khác tự nhiên sẽ bỏ.
Cái gì chưa phải là mục đích thì phải bỏ hết.
Ở đây, ai từng chơi máy ảnh thì biết, chụp hình là phải có tiêu cự, có tiêu điểm để mình nhắm đến.
Với cái tiêu cự, tiêu điểm đó, thì cái gì ngoài vùng đó đều bỏ hết.
Bây giờ mình muốn chụp ảnh chân dung, thì phải xác định: lấy mặt người làm chính hay phông sau làm chính. Một khi đã chọn, thì mọi thứ khác làm lơ hết.
Còn đằng này, mình cầm máy ảnh lên mà không biết cái gì là chính, cái gì là phụ — thì đó chính là bi kịch của người tu học.
Và nhẹ nhất là bi kịch của những người chưng hoa trên bàn Phật.
Thấy hoa đẹp là cứ ghim, cứ cắm; thấy trái ngon trái đẹp là cứ đem lên chưng, mà không biết rằng mình lấy hoa để tô điểm Phật, chứ không phải lấy Phật để tô điểm hoa.
Phải phân biệt chính – phụ chứ.
Mình cứ nói khổ hạnh là tốt, hay tu hành thoải mái là tốt, nhưng quên mất tiêu điểm của cuộc tu là gì.
Cái cứu cánh, cái mục đích sau cùng của cuộc tu là gì?
Rồi cuối cùng, mình làm một hồi — nguyên lộ trình toàn hoa lá cành, không còn thấy Phật đâu nữa.
Chưng hoa cúng Phật cũng vậy. Nhiều người mê cắm hoa lắm, mê đến mức cắm xong rồi không thấy Bổn Sư đâu hết.
Mùa này là mùa Kathina bên Việt Nam, bà con đi các chùa thử coi có đúng không: ai cũng mê cắm hoa, mê cúng trái, bao nhiêu đèn, nến, hoa đăng đẹp nhất chất hết lên bàn thờ.
Nhưng khi chất lên rồi, họ quên mất Phật là tiêu điểm.
Kết quả là chánh điện chỉ còn thấy hoa, mà không còn thấy Phật nữa.
Thì cái lộ trình tu học cũng vậy đó. Hình thức tu học chỉ là phương tiện thôi, còn cái chính là đích đến sau cùng của lộ trình tu học — cái đó mới thật sự quan trọng, rất quan trọng.
Cho nên, ông cư sĩ Vajjiyamāhita nói rằng:
Đức Thế Tôn không có một chiều, không phiến diện, không cục bộ.
Thế Tôn nói vấn đề rất rõ ràng, không áp đặt, không bị lụy bởi nhãn mác.
Ngài nói đến cái cốt lõi và cứu cánh của con đường tu học.
Đó chính là nội dung của bài kinh hôm nay.

Tôi nghĩ rằng có nói thêm nữa cũng vậy thôi.
Chúc các vị một ngày vui.

[27/10/2025 - 01:50 - hongtran411]
Vajjiyamāhitasutta / Kinh Tinh Tuyển
26.10.2025
Sư Giác Nguyên
Hôm nay chúng ta học qua bài Kinh Tinh Tuyển. "Tinh tuyển" có nghĩa là chắc lọc. Cái tựa kinh thì không liên quan gì tới tiêu đề tiếng Việt hết, bởi vì tựa kinh chỉ là tên của một ông cư sĩ, và ông này là một trong mười cư sĩ hàng đầu, mười vị thánh đệ tử cư sĩ hàng đầu thời Đức Phật. "Hàng đầu" có nghĩa là khi nhắc đến những cư sĩ tiêu biểu, Đức Phật có nhắc tới ông này — nhắc chung với Cấp Cô Độc, bà Visākhā, hay cư sĩ Citta, hay Hatthaka Āḷavaka. Tổng cộng là mười nhân vật hàng đầu. Nội dung bài kinh này nhắm đến một số vấn đề lớn sau đây.
Mình nói chuyện nhỏ trước đi. Lớn, nhưng trong cái lớn có cái nhỏ; cái nhỏ rồi lại có cái lớn hơn. Nói cái nhỏ trước là Phật pháp ấy là chân lý ở đời. Ở đời này có nghĩa là của vô lượng vũ trụ. Đã nói là chân lý thì không phải là tác phẩm của riêng ai hết. Ngay cả trong chánh kinh Pāli, nếu đọc qua bản tiếng Việt thì rất tiếc là bản tiếng Việt không nhấn mạnh chữ này. Trong bản dịch tiếng Việt không nhấn mạnh chữ đó, không hiểu lý do, nhưng khi đọc trong bản Pāli và đặc biệt là trong chú giải thì chú giải nói rất rõ 'apaññattiko': những gì chư Phật thuyết giảng không phải do chư Phật chế tác hay sáng tạo, mà chư Phật chỉ là người làm bừng sáng bóng tối của cuộc đời để vạch ra cho người ta thấy đâu là sự thật cần biết. Chư Phật không phải là người chế tác hay sáng tạo ra chân lý. Đó là chuyện thứ nhất.
Chuyện thứ hai là: chư Phật thuyết pháp độ đời, cho đời, vì đời, và trong những trường hợp đặc biệt, các Ngài thuận theo một phần nào đó của thế gian để có cách trình bày tương ứng, thích hợp, khế cơ và khế lý, chứ không phải đưa ra những đường lối lạ lùng, không giống ai — không phải như vậy.
Phải nhớ hai điều rất quan trọng:
1. Chư Phật thuận theo thế gian trong mức độ thích hợp, chứ không tách rời hoàn toàn.
2. Những khái niệm mà thế gian nhắc tới, chư Phật cũng nhắc tới,
o nhưng với một định nghĩa khác,
o hoặc đưa nó lên một tầm cao mới,
o một góc nhìn mới.
Điều đó rất quan trọng.
Chuyện nữa đó là đã là chân lý thì Đức Phật dạy rất là nhiều lần là Như Lai không có tranh cãi với thế gian. Thế gian tranh cãi với ta chứ ta không có tranh cãi với thế gian. Nhưng có chuyện này, không tranh cãi nhưng mà trong trường hợp phải lên tiếng vì cái lòng đại bi, vì cái lợi ích cho chúng sinh thì cũng không nên im lặng. Nhớ cái đó nha, không có tranh cãi nhưng mà trong trường hợp mà không thể im lặng, trong trường hợp vì lòng đại bi mà mình nói ra cái điều lợi ích cho người khác thì mình cũng không nên im lặng, cũng nên nói.
Đức Phật dạy rằng khi người ta vô duyên thì thôi, nhưng nếu thấy người ta hữu duyên và mình có thể giúp được thì cũng nên lên tiếng. Bởi vì cuối bài kinh này, Đức Phật có dạy rằng một vị cao tăng, một vị tỳ kheo — trong Pali gọi là 'dīgharattaṃ', tức là vị tu hành lâu năm — thì cũng nên học tập tinh thần trách nhiệm của vị cư sĩ này. Có nghĩa là khi nghe ai đó nói sai về chánh pháp, nếu xét thấy đó là thời điểm mà mình có thể lên tiếng để soi tỏ chánh pháp thì cũng không nên im lặng, bởi vì đó cũng là một cách hoằng pháp, một cách lợi tâm. Không thể nào cứ khư khư nói rằng đạo của tôi hay lắm nên tôi không cần phải lên tiếng chi, kệ đời nó vô minh thì mặc xác nó — không nên nói như vậy.
Đúng là mình tu là chuyện đầu tiên là mình phải lo hoàn bị, chu toàn, chu tất bản thân trước. Đúng. Nhưng mà trên cái lộ trình tu tập đó nếu mà có một cái cơ hội mà phải lên tiếng để soi tỏ tinh thần chánh pháp nhằm mục đích, nhằm mục đích lợi tha đó thì cũng không nên im lặng. Dĩ nhiên nói một cách nhẹ nhàng, chia sẻ, cảm thông và mềm mỏng, dễ nuốt nhất chứ không phải mình nói để mang cái tính gọi là đấu đá, tranh cãi, thị phi, hơn thua với đời thì tuyệt đối đó không phải là tinh

thần Phật pháp. Không phải, không phải. Đó là những chuyện nhỏ, chuyện nhỏ của những nội dung nhỏ xíu của bài kinh này.
Bây giờ nội dung lớn hơn là ông cư sĩ Vajjiyamāhita này, trong một lần gặp gỡ với các du sĩ ngoại đạo, họ có hỏi ông một câu thế này: "Hình như sư phụ của ông, Sa-môn Gotama, là người chống đối kịch liệt tất cả những pháp môn khổ hạnh, đúng không?"
Bởi vì ngay trong pháp thoại đầu tiên, Đức Phật đã nói rất rõ: con đường giải thoát phải nằm ngoài hai cực đoan là lợi dưỡng và khổ hạnh. Khổ hạnh có nghĩa là ép xác, khắc khổ, thanh đạm đến mức cực đoan — đó là khổ hạnh. Còn hưởng thụ, sung sướng, tiện nghi thì cũng không phải là con đường tu học giải thoát.
Thì cái pháp thoại đó rất nổi tiếng. Tất cả những người đệ tử Phật hay những người quan tâm đến tâm linh, tôn giáo, quan tâm đến đời sống tinh thần và hành trì thời Đức Phật hầu như đều biết tinh thần đó của Phật pháp — tinh thần gọi là Trung đạo. Đây chính là lý do vì sao các du sĩ đã có câu hỏi như vậy. Họ hỏi rằng: "Có phải Sa-môn Gotama chống đối quyết liệt cái gọi là pháp môn khổ hạnh của đường lối ích kỷ cực đoan hay không?"
Ông cư sĩ Vajjiyamāhita — một thánh cư sĩ — đã trả lời thế này: Đức Thế Tôn không phải là người một chiều, không phải là người phiến diện. Đức Thế Tôn không phải là người theo hay chống một điều gì đó theo cách nhìn thiển cận, phiến diện, một chiều. Ngài tuyệt đối không để cho lời giảng của mình bị gắn chặt vào một nhãn hiệu nào đó như "cái này đúng, ngoài ra là sai". Đức Thế Tôn phân tích rõ tại sao có điều đó đúng, tại sao có điều sai, chứ không nên nói rằng Thế Tôn phủ nhận hay chống đối đường lối khổ hạnh.
Phải xem đường lối khổ hạnh đó ra sao; còn nếu chỉ nói trên từ ngữ là "chống khổ hạnh" thì không được. "Khổ hạnh" nghĩa là đời sống tối giản và có phần khắc kỷ, kiêng khem hơn thường.
Thì sau khi ông nói như vậy, ông trở về và thưa lại với Đức Phật, kể lại toàn bộ câu chuyện đó. Đức Phật tán thán: "Ngươi đã nói đúng về Như Lai."
Vậy bài kinh này nói điều gì? Bài kinh này dạy rằng tinh thần Trung đạo, tức là tinh thần Bát Chánh Đạo, tuyệt đối là điều mà hành giả phải luôn lưu tâm trong lộ trình giải thoát. Tuy nhiên, do ba nền tảng sinh tử là:
1. Tiền nghiệp,
2. Khuynh hướng tâm lý,
3. Môi trường sống,

nên nói gọn lại, túc duyên giải thoát của mỗi người không giống nhau.
Cho nên có người thì họ cần một tí tiện nghi trong ăn, mặc, ở thì mới có thể tu tập tốt được. Nhưng cũng có người phải có một chút kiêng khem, tối giản thì họ mới tu tập có kết quả. Nếu nói như vậy thì có nhiều cách để tu tập Bát Chánh Đạo.
Cái quan trọng nhất là khổ hạnh ở đây không phải là hình thức mà là tinh thần. Nó là tinh thần. Cho nên nếu thấy có người tu tập Chánh Đạo mà trông có vẻ hơi thoải mái, dễ dãi, nhàn hạ thì mình cũng khoan nói họ là lợi dưỡng. Ngược lại, cũng có người tu tập Bát Chánh Đạo mà trong hình thức có vẻ kiên cố, khắc kỷ một chút thì cũng khoan nói họ là khổ hạnh.
Vấn đề nằm ở chỗ: cùng hướng đến cứu cánh chấm dứt sanh tử, và lộ trình đó phải được thiết lập trên căn bản Chánh Đạo.
Còn cái hình thức thì có thể có người hơi lệch một chút — tôi nhấn mạnh là trên hình thức thôi. Cho nên trong đây, Ngài nói rất rõ: "Ta không có cực đoan khi nói rằng pháp môn nào là nên theo hay không nên theo, mà phải xét đến tinh thần của nó."
Tinh thần là gì? Là con đường, lộ trình — dù có một chút khắc kỷ hay một chút dễ dãi — nhưng miễn sao giúp cho lý tưởng bài ác, hành thiện được tốt đẹp, thì con đường đó là con đường mà Như Lai tán thán và khích lệ.
Kể cả cái gọi là giải thoát, trong bản chánh kinh cũng có nói rất rõ: "Ta cũng không nhắm mắt mà tán thán mọi cách giải thoát."
Bởi vì "giải thoát" — cứu cánh sau cùng của mọi cuộc tu, dù là đạo nào đi nữa — rốt cuộc đều nhắm đến: giải thoát khỏi hiện tại khổ đau, khỏi tình trạng phàm phu hiện tại.

Nhưng Đức Phật nói rõ: tùy nhận thức của mỗi người mà "giải thoát" được định nghĩa khác nhau; còn đối với Ngài, giải thoát phải được lập cước, phải được thiết lập trên tinh thần "bài ác, hành thiện", "hành thiện, lánh ác."
Và nếu như vậy thì cái hình thức đôi khi không quan trọng lắm, cái nội dung mới chính là điều quan trọng. Cái rốt ráo của bài kinh này là chữ giải thoát.
Có nghĩa là:
- Cái lộ trình tu tập đó, mình tu kiểu gì đi nữa, nhưng có nhắm đến giải thoát hay không.
- Và trong lúc đang đi trên con đường đó, mình có thật sự từng bước tháo gỡ những ràng buộc, những vướng víu hay không.

Bởi vì "giải thoát" ở đây không phải là đợi đến lúc chứng đắc, mà ngay trong lộ trình ấy phải là từng phút từng giây tháo gỡ.
Bởi vì có hai trường hợp: chánh giải thoát và tà giải thoát.
Tôi nói không biết bao nhiêu lần: tà giải thoát có hai trường hợp — cái này nói theo kinh nhé.
1. Trường hợp thứ nhất: thay đổi cái nhà tù này qua cái nhà tù khác mà tưởng là giải thoát.

Nghĩa là thay đổi cái phòng giam này qua cái phòng giam khác, thay đổi dây xiềng, dây xích mà tưởng là đã ra tù, nhưng thật ra vẫn ở trong nhà tù đó, vẫn là phòng giam đó, vẫn là xiềng xích đó.
→ Trường hợp này là chỉ thay đổi hình thức, còn nội dung vẫn như cũ. Đó gọi là tà giải thoát thứ nhất.
2. Trường hợp thứ hai: chưa giải thoát mà tưởng là đã giải thoát.

Trường hợp này giống như mạ vàng cái dây xiềng hay sơn son thếp vàng cái phòng giam của mình.
- Thay đổi phòng giam vẫn là phòng giam.
- Mạ vàng dây xiềng thì nó vẫn là dây xiềng.

Giải thích cụ thể hơn:
- Thay đổi phòng giam là sao?

Nghĩa là mình thấy không nên dính mắc chỗ nào hết, rồi lên đường hành cước, du phương, độc hành độc bộ, một y một bát. Ngày xưa mình ở nhà có vợ, có chồng, có con cái; bây giờ mình bỏ hết, vào chùa sống đời hành cước du phương. Nhưng thật ra lại vướng kẹt vào vô số vấn đề khác trong đời sống đó. → Đó là thay đổi nhà tù.
- Mạ vàng dây xiềng là sao?

Nghĩa là hồi trước mình lo danh lo lợi; bây giờ biết Phật pháp rồi, nếu là cư sĩ thì cạo đầu, mặc áo lam, áo nâu, cất đạo tràng trên núi, rồi ở đó thổi sáo, trồng hoa, uống trà, ngâm thơ, đọc sách, ngắm trăng mây… tưởng là giải thoát, nhưng thật ra chỉ là mạ vàng cái dây xiềng thôi.
Hoặc trước kia là tăng nhân, có chùa chiền, đệ tử, đạo tràng đông; bây giờ bỏ hết, lên núi dựng am tranh ở, tưởng mình đã đắc sơ thiền, nhị thiền, đạt được tầng nào đó, thấy mình là số một, thiên hạ là số mười.
Hoặc có người giữ giới thanh tịnh, có định thanh cao, có chút trí tuệ sáng suốt, rồi sinh tâm tự cao, coi người khác không ra gì, quên rằng mình vẫn còn đang ở trên lộ trình, chưa đến nơi đến chốn.
→ Tất cả những trường hợp đó đều được gọi là mạ vàng cái dây xiềng dưới chân mình.

Tức là hai trường hợp tà giải thoát.

Còn chánh giải thoát thì cũng có hai trường hợp.
Trường hợp một: phá nát cái phòng giam, phá nát cái dây xiềng — tức là phá nát hoàn toàn những gì ràng buộc mình. Đây là giải thoát theo nghĩa dứt tuyệt, buông bỏ hết.
Trường hợp hai: không phá nát nhưng vô hiệu hóa nó.
Ví dụ:
- Mình là cư sĩ, vẫn sống đời thường, vẫn có tóc, có áo quần, có nhà cửa, nhưng tâm trần bất nhiễm, thì gọi là vô hiệu hóa cái nhà giam.
- Hoặc mình là người xuất gia, vẫn làm trụ trì, vẫn là pháp sư, vẫn có đạo tràng, vẫn có đệ tử, nhưng có thể ra đi bất cứ lúc nào, lòng hoàn toàn thanh thản — thì gọi là vô hiệu hóa dây xích, vô hiệu hóa phòng giam.

Nói cách khác: hình thức vẫn như cũ, nhưng bên trong đã vô hiệu hóa mọi ràng buộc.
Còn trường hợp thứ nhất là phá nát mà đi, nghĩa là buông bỏ tất cả.
Bởi vì trong kinh nói, "giải thoát" và "viễn ly" có bốn trường hợp:

1. Tâm giải thoát, thân không giải thoát.
2. Thân giải thoát, tâm không giải thoát.
3. Thân và tâm đều giải thoát.
4. Thân và tâm đều không giải thoát (hay không viễn ly).

Thì thân giải thoát mà tâm không giải thoát là sao?

Có nghĩa là thân đã giải thoát — tức là cũng mặc áo tu, cũng ở nơi thanh tịnh, u tịch, vắng người — đó là thân giải thoát. Nhưng tâm thì vẫn còn vướng víu, còn bị ràng buộc với đời, với phố phường, với phồn hoa, với chúng sinh. Trường hợp đó được gọi là thân giải thoát mà tâm vô giải thoát.

Còn tâm giải thoát mà thân không giải thoát là sao?

Có nghĩa là vẫn sống trong môi trường phức loạn, náo nhiệt, nhộn nhịp, ồn ào như xưa giờ, nhưng tâm đã ở ngoài muôn cõi, đã là "người phương ngoại" ngay trong tâm khảm mình rồi. Trường hợp này được gọi là thân không giải thoát mà tâm đã giải thoát.

Hai trường hợp sau thì không cần giải thích nhiều:

- Trường hợp thứ ba: thân và tâm đều giải thoát — nghĩa là đắp áo tu ở nơi thanh vắng xa người, và tâm cũng thanh tịnh, vắng bặt phiền não.
- Trường hợp thứ tư: thân và tâm đều không giải thoát — nghĩa là sống ở cõi nhân gian và tâm hồn cũng đầy tục lụy.

Tất cả là bốn trường hợp giải thoát.

Và như đã nói, "giải thoát" ở đây gồm hai loại: tà giải thoát và chánh giải thoát.

Tôi nhắc lại:

Hai trường hợp này đều được gọi là tà giải thoát:

- Tà giải thoát thứ nhất là chỉ thay đổi phòng giam, thay đổi dây xích, tưởng là ra tù.
- Tà giải thoát thứ hai là mạ vàng cái dây xích, tưởng là giải thoát rồi.

Còn cái trường hợp chánh giải thoát cũng có hai:

- Một là phá nát cái nhà giam, chặt đứt cái dây xiềng — đó là trường hợp thứ nhất.
- Hai là vẫn ở trong phòng giam đó, vẫn có dây xiềng đó nhưng đã vô hiệu hóa nó. Nghĩa là sao? Cái dây xiềng đó mình có chìa khóa, muốn mở lúc nào thì mở, muốn tháo lúc nào thì tháo. Còn cái phòng giam đó, mấy cái song sắt mình đã cưa sạch hết rồi, trống trơn hết rồi, mênh mông, đến mức đưa nguyên con bò đi qua cũng lọt. Trong trường hợp đó, dù mình vẫn ở trong phòng giam, vẫn có sợi xiềng dưới chân, cũng không thành vấn đề, vì mình tự tại, muốn tháo lúc nào thì tháo, muốn đi lúc nào thì đi.

Và nội dung rốt ráo của bài kinh này chính là ở chỗ đó.

Đức Thế Tôn không phải là người một chiều, phiến diện. Ngài không nói rằng pháp tu nào là số một, số hai. Ngài dạy rằng cái tinh thần mới là điều quan trọng — cái tinh thần của pháp tu, cái mà nó nhắm đến là gì, mới là cốt lõi.

Còn chuyện anh có khắc kỷ, kiêng khem hay có chút tiện nghi, dễ dãi — cái đó không sao hết, miễn là tránh ác, hành thiện, và cuối cùng lìa bỏ hiện hữu, chấm dứt sinh tử. Đó mới chính là tinh thần rốt ráo của Phật pháp.

Không thể nói một chiều rằng tu là phải rách rưới tả tơi, đầu trần chân đất, hay phải ở am tranh mái cỏ. Không nhất thiết. Bởi vì nếu ở am tranh mái cỏ mà trong lòng lại mong người khác biết mình ở am tranh mái cỏ, thì cái đó cũng chẳng đi về đâu. Còn nếu sống giữa phố xá phồn hoa mà trong lòng đã là người ngoại cuộc, thì vẫn đáng được tán thán.

Đạo Phật nói rất rõ:

1. Có trường hợp tu tướng mà không tu tâm.
2. Có trường hợp tu tâm mà không tu tướng.
3. Có trường hợp cả tâm và tướng đều tu.
4. Có trường hợp cả tâm và tướng đều không tu.

Thì trong bốn trường hợp này, mình thấy trường hợp nào cũng được, miễn là có cái tâm tu là được. Ví dụ như có tu tâm mà không tu tướng cũng không sao, có nghĩa là lòng đã ở ngoài cuộc, thì thân có sống ở đâu cũng vậy thôi.

Chẳng hạn như vừa rồi, ở Việt Nam có Ôn Như Huyễn thiền sư – HT Thích Từ Thông, vừa viên tịch. Lúc Ôn còn sinh tiền, Ôn là hiệu trưởng, giữ nhiều vai trò và chức vụ lớn trong Giáo hội. Từ

góc nhìn của một ông thầy, một vị sư Nam truyền, tôi rất quý Ôn ở chỗ Ôn có một cái nhìn rất thông thoáng, không nói về Phật pháp từ góc độ hệ phái, mà từ góc nhìn của người cầu đạo giải thoát.
Ôn hoàn toàn có thể có một ngôi phạm vũ hoành tráng, nguy nga, với đời sống rất thoải mái, tiện nghi, thậm chí sang trọng, vì Ôn có hàng tỷ học trò — cả Tăng lẫn tục. Nhưng không, cuối đời Ôn có Liễu Liễu Am nhỏ xíu ở Lâm Hà, Lâm Đồng. Nhìn cái phòng của Ôn là thấy được tinh thần của Ôn trong đó.
Nếu nhìn các vị đại sư như Ấn Thuận, Quảng Khâm hay Tinh Vân của Đài Loan, ta thấy chỗ trú xứ của các vị ấy không đơn giản như vậy. Mặc dù trong lòng các vị có thể không muốn, nhưng các vị cũng không từ chối. Riêng Ôn Từ Thông thì rõ ràng là có từ chối. Nhìn là biết Ôn có từ chối.
Bởi vì có những trường hợp không kêu gọi, nhưng nếu không từ chối, cũng dễ khiến người khác hiểu lầm.
Còn Ôn thì không kêu gọi, mà cũng từ chối.
Cuối cùng, Ôn chỉ ở trong một cái am — nói thật, nhìn cũng hơi nản, nếu xét về mặt tiện nghi.
Nhưng cái "nản" ở đây không phải là chê bai, mà là cảm thán. Nhìn cái am đó, mình nghĩ: "Không biết mùa lạnh Ôn chịu sao, mùa nóng thì sao."
Nói vậy không phải vì tôi là người hưởng thụ — đừng nói oan — mà bởi vì tôi sống ở nước ngoài, nhìn điều kiện đó tôi nghĩ không biết Ôn sao trong điều kiện nóng lạnh của thời tiết.
Thì tôi nhắc lại, tu hành hay là giải thoát cũng có bốn trường hợp:
1. Tu tướng mà không tu tâm — hay nói cách khác là giải thoát tướng mà không giải thoát tâm.
2. Giải thoát tâm mà không giải thoát tướng — nghĩa là nhìn bề ngoài vẫn còn có chút ràng buộc, nhưng tâm đã vượt ngoài.
3. Cả hai đều viễn ly, đều giải thoát.
4. Cả hai đều không giải thoát, không viễn ly.

Thì nội dung sâu sắc của bài kinh này chính là chỗ đó.
Đức Phật không áp đặt, không dán nhãn lên bất kỳ pháp môn nào, mà Ngài nhắm vào tinh thần cốt lõi và cứu cánh của lộ trình tu học.
Đó, đối với Ngài, là điều rất quan trọng.
Còn mình thời nay thì khác. Nói gì thì nói, vẻ ngoài cũng quan trọng lắm.
Rất nhiều người chống đối chúng tôi có thể vì chuyện thị phi nào đó, nhưng cũng có phần vì họ quan sát, thấy hình như chúng tôi khi nói về thiền thì cái mặt không được "thiền" cho lắm.
Tôi có đọc vài bình luận của bà con: "Nói về Phật pháp mà thấy cái mặt ổng không được Phật pháp lắm, ngôn phong, ngữ khí của ổng không được đạo hạnh cho lắm."
Tức là họ vẫn còn bị vướng trong cái đó.
Thôi, bỏ chuyện chúng tôi, nói chuyện khác đi.
Là có trường hợp mình bị lụy vào cái đó, tức là chỉ coi cái người đó qua vẻ ngoài, mà không màng đến họ nói gì, nội dung ra sao. Mình chỉ quan trọng hình thức — thì đó cũng là một cái kẹt.
Tôi chưa hề có cái ý, chứ đừng nói là lời, chưa hề có cái ý kêu gọi bà con phải trân quý tôi. Tôi chỉ muốn nhắc một điều, như người Tây có câu rất hay:
"Nếu anh không bị mù thì đừng có dùng cái lỗ tai mà đánh giá tôi."
Còn người Tây Tạng thì nói nặng hơn:
"Nếu anh không bị tâm thần thì đừng có dùng mắt, tai để hiểu người khác."
Tây thì nói nhẹ: nếu anh không bị mù thì đừng chỉ dùng tai để đánh giá tôi.
Tây Tạng thì nói mạnh: nếu anh không bị tâm thần thì đừng dùng mắt, tai, mũi, lưỡi để đánh giá người khác.
Vì nếu mình không bị tâm thần, thì phải dùng cái đầu của mình mà suy xét chứ.
Cái nội dung của bài kinh này rất sâu.
Thông qua bài kinh này, tôi xin gửi đến bà con hai hình thái giải thoát:
1. Tà giải thoát: là thay đổi phòng giam, hoặc mạ vàng cái dây xiềng, sơn son phòng giam mà tưởng là tự do.
2. Chánh giải thoát: là phá nát nhà tù, chặt đứt dây xiềng, hoặc vô hiệu hóa chúng — vẫn sống giữa đời mà không bị ràng buộc.

Và tinh thần cao nhất của đạo Phật là giải thoát.

Mình muốn cầu giải thoát thì điều đầu tiên là phải buông. Nhưng đa phần phàm phu mình lại vướng ở chỗ này.
Chữ "chúng sinh" trong Pāli là satta.
Từ này có nhiều định nghĩa, nhưng trong Tương Ưng Bộ Kinh, Đức Phật có giải thích một nghĩa rất hay: satta bắt nguồn từ sajjati (√sat) — nghĩa là "dính".
Tức là:
- Lúc đầu mình cũng cầu giải thoát,
- nhưng trên lộ trình sâu thẳm đó, khi được một chút gì, mình lại dính vào cái đó, không đi tiếp nữa.

Đây là thói quen rất đáng tiếc, đáng phiền và đáng trách của phàm phu.
Con đường giải thoát là muôn dặm, mà mình mới đi được dặm rưỡi đã thấy cỏ hoa, ong bướm, sông suối, trăng gió, rồi dừng lại.
Mới đi được vài cây số, thấy cảnh đẹp quá, thế là "chết" ngay chỗ đó.
Nhưng chưa được — phải đi tiếp.
Tất cả những vị đắng và vị ngọt trên lộ trình đó chỉ là những trạm dừng.
- Nó đắng cách mấy cũng không đáng để sợ.
- Nó ngọt cách mấy cũng không đáng để dính.

Điều quan trọng nhất là mắt luôn nhìn về phía trước.
Người Tây có một câu rất hay:
"Khi đôi mắt ta tập chú vào mục đích cuối con đường, ta sẽ không còn nhìn thấy những cám dỗ và thử thách dọc đường.
Nhưng khi đôi mắt rời khỏi mục đích đó, ta sẽ dễ bị phân tâm và lạc hướng bởi mọi cám dỗ trên đường đi."
Khi chúng ta chỉ tập chú vào một điểm thôi, thì tất cả những thứ khác tự nhiên sẽ bỏ.
Cái gì chưa phải là mục đích thì phải bỏ hết.
Ở đây, ai từng chơi máy ảnh thì biết, chụp hình là phải có tiêu cự, có tiêu điểm để mình nhắm đến.
Với cái tiêu cự, tiêu điểm đó, thì cái gì ngoài vùng đó đều bỏ hết.
Bây giờ mình muốn chụp ảnh chân dung, thì phải xác định: lấy mặt người làm chính hay phông sau làm chính. Một khi đã chọn, thì mọi thứ khác làm lơ hết.
Còn đằng này, mình cầm máy ảnh lên mà không biết cái gì là chính, cái gì là phụ — thì đó chính là bi kịch của người tu học.
Và nhẹ nhất là bi kịch của những người chưng hoa trên bàn Phật.
Thấy hoa đẹp là cứ ghim, cứ cắm; thấy trái ngon trái đẹp là cứ đem lên chưng, mà không biết rằng mình lấy hoa để tô điểm Phật, chứ không phải lấy Phật để tô điểm hoa.
Phải phân biệt chính – phụ chứ.
Mình cứ nói khổ hạnh là tốt, hay tu hành thoải mái là tốt, nhưng quên mất tiêu điểm của cuộc tu là gì.
Cái cứu cánh, cái mục đích sau cùng của cuộc tu là gì?
Rồi cuối cùng, mình làm một hồi — nguyên lộ trình toàn hoa lá cành, không còn thấy Phật đâu nữa.
Chưng hoa cúng Phật cũng vậy. Nhiều người mê cắm hoa lắm, mê đến mức cắm xong rồi không thấy Bổn Sư đâu hết.
Mùa này là mùa Kathina bên Việt Nam, bà con đi các chùa thử coi có đúng không: ai cũng mê cắm hoa, mê cúng trái, bao nhiêu đèn, nến, hoa đăng đẹp nhất chất hết lên bàn thờ.
Nhưng khi chất lên rồi, họ quên mất Phật là tiêu điểm.
Kết quả là chánh điện chỉ còn thấy hoa, mà không còn thấy Phật nữa.
Thì cái lộ trình tu học cũng vậy đó. Hình thức tu học chỉ là phương tiện thôi, còn cái chính là đích đến sau cùng của lộ trình tu học — cái đó mới thật sự quan trọng, rất quan trọng.
Cho nên, ông cư sĩ Vajjiyamāhita nói rằng:
Đức Thế Tôn không có một chiều, không phiến diện, không cục bộ.
Thế Tôn nói vấn đề rất rõ ràng, không áp đặt, không bị lụy bởi nhãn mác.
Ngài nói đến cái cốt lõi và cứu cánh của con đường tu học.
Đó chính là nội dung của bài kinh hôm nay.

Tôi nghĩ rằng có nói thêm nữa cũng vậy thôi.
Chúc các vị một ngày vui.